

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Trại Giam Mỹ Phước
- Tên gói thầu: Mua sắm nhu yếu phẩm phục vụ chế độ phạm nhân 6 tháng đầu năm 2026 tại Trại Giam Mỹ Phước;
- Tên dự toán: Mua sắm nhu yếu phẩm phục vụ chế độ phạm nhân 6 tháng đầu năm 2026 tại Trại Giam Mỹ Phước;
- Địa điểm thực hiện: Trại Giam Mỹ Phước, địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp;
- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng (tương đương 180 ngày)

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

Nhà thầu phải lập Bảng cam kết và đáp ứng đầy đủ các nội dung như sau:

STT	Nội dung yêu cầu	Nhà thầu cam kết: Chỉ tiêu kỹ thuật tối thiểu cần phải đạt
1	Yêu cầu về tiêu chuẩn hàng hóa	<ul style="list-style-type: none">- Hàng hóa cung cấp mới 100% đạt tiêu chuẩn về chất lượng theo quy định hiện hành.- Bao bì còn nguyên vẹn, không rách nát, không ẩm mốc, không biến dạng.- Khi giao hàng phải cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa.
2	Yêu cầu về bảo hành	<ul style="list-style-type: none">- Thu hồi và đổi hàng mới (01 đổi 01) trong vòng 48 giờ trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không đúng chủng loại hoặc hàng hóa không còn nguyên bao bì nhãn mác, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không đảm bảo về hạn dùng sản phẩm. Nếu hết thời gian này mà Nhà thầu không đáp ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực

		hiện và toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả.
3	Yêu cầu khác	<p>- Trong thời gian thực hiện hợp đồng 06 tháng (tương đương 180 ngày) nhà thầu phải cung cấp hàng hóa kịp thời, đầy đủ số lượng hàng hóa yêu cầu (trong vòng 48 giờ) theo từng đơn đặt hàng của Chủ đầu tư (Bằng Điện thoại, Fax, Email...) cho đến khi hợp đồng kết thúc.</p> <p>- Hạn dùng: tối thiểu 2/3 hạn dùng kể từ thời điểm giao hàng.</p>

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

- Nhà thầu phải lập bảng thuyết minh so sánh thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu theo quy định bên dưới, nhà thầu lập theo biểu mẫu sau:

TT	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu/nhãn mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất/xuất xứ	Thông số kỹ thuật theo yêu cầu E-HSMT	Thông số kỹ thuật do nhà thầu đề xuất	Liệt kê sự khác nhau về thông số kỹ thuật giữa E-HSMT và E-HSDT (nếu có) và kèm tài liệu chứng minh(*)	Catalogue
1
2
...

(*) Ghi chú: Trường hợp nhà thầu liệt kê sự khác nhau về thông số kỹ thuật giữa E-HSMT và E-HSDT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh.

- Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật yêu cầu
1	Kem đánh răng		
1.1	Ngoại quan		
1.2	Hình dạng bên ngoài		Thẻ kem đồng nhất, bóng mịn, không vón

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật yêu cầu
			cục, không tách nước, không có các tạp chất khác
1.3	Mùi		Thơm nhẹ, dễ chịu, đặc trưng cho từng loại sản phẩm
1.4	Vị		Cay nhẹ, hơi ngọt hoặc hơi mặn, không được có vị lạ
1.5	Màu sắc		Đồng đều, đặc trưng cho từng loại sản phẩm
1.6	Đóng gói		Sản phẩm đóng gói trọng lượng 150g/tuýp
	Các chỉ tiêu vệ sinh và an toàn		
1.7	Độ pH của dung dịch 2%		7,0 - 9,0
1.8	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì)	ppm	<3
1.9	Hàm lượng asen	ppm	<2
	Các chỉ tiêu hóa lý		
1.10	Tính ổn định ở điều kiện nhiệt độ 40, 45°C trong 48 giờ		Thẻ kem phải đồng đều, bóng mịn bóp thành thỏi mềm, có lỗ thoát bọt, không bị khô, không chảy nước, giữ được mùi thơm tự nhiên đặc trưng
1.11	Hàm lượng glyxerin	%	<15
1.12	Hàm lượng nước	%	40 - 50
1.13	Hàm lượng cacbonat, tính theo canxi cacbonat	%	>30
1.14	Thể tích cột bọt của dung dịch n1%, tính bằng ml	%	>200
1.15	Các tiêu chuẩn khác phải đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN 5816:2009		
2	Bàn chải đánh răng		
2.1	Hình dạng		Dạng cây, bàn chải không gây hại đến sức khỏe người sử dụng và không ảnh hưởng đến môi trường
2.2	Cán bàn chải		Nhựa PP, bề mặt sạch, ngoại hình trơn, bóng, không có tạp chất, không có các vết

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật yêu cầu
			nứt và nổi bong bóng không được lớn hơn 1mm ² . Cán bàn chải không được có bavìa có thể gây tổn thương đến cơ thể con người
2.3	Lông bàn chải		Sợi Tynex, đều, thẳng, khóm lông dày, khoảng cách lông vừa phải, vết xơ lông không được phép hướng về đầu bàn chải, bề mặt lông sạch
2.4	Đóng gói		01 bàn chải được đóng trong 1 túi bóng kín
2.5	Chiều dài	Mm	170 – 200
2.6	Chiều rộng phần cắm lông	Mm	12 -14
2.7	Chiều cao trung bình của sợi lông	Mm	9 – 11
2.8	Số sợi lông trong một lỗ		22-30
2.9	Số lỗ cắm sợi lông		35-45
2.10	Đường kính lông bàn chải	Mm	0,12-0,17
2.11	Lực kéo nhóm lông	kgf	>1,5
2.12	Các tiêu chuẩn khác phải đáp ứng theo Tiêu chuẩn: TCVN 5816:2009		
3	Dầu gội		
3.1	Mô tả hình dạng		Lông sánh, đồng nhất, không tách lớp, phân tầng và kết tủa khi biến đổi nhiệt độ nhỏ hơn 10 ⁰ C và lớn hơn 45 ⁰ C
3.2	Đóng gói		Sản phẩm đóng dung tích 200ml/chai
3.3	Màu		Trắng
3.4	Mùi		Dễ chịu, đặc trưng
3.5	Thành phần		Nước, màu, mùi thơm (hương liệu), HEC, CMC, Zarum261, CDE, P7, P47, CAB, Silicon, Glycerin, Sodium, Sorbitol, Lauryl ether, Sunfate, Ete,.... Các phụ gia khác với hàm lượng vừa đủ
	Thông số kỹ thuật		
3.6	pH		4-8

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật yêu cầu
3.7	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt	%	<10
3.8	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì)	Mg/kg	<2
3.9	Hàm lượng Asen(As)	Mg/kg	<1
3.10	Độ kích ứng da		Không đáng kể
3.11	Vi khuẩn và nấm mốc		
3.12	Vi khuẩn staphylococcus aureus, candida albicans và pseudomonas aeruginosa		Không được phép
3.13	Tổng số nấm mốc sống lại được	số lượng /gam mẫu	<100
3.14	Tổng số vi khuẩn hiếu khí sống lại được	số lượng /gam mẫu	<1000
3.15	Tổng số Enterobacteria và các vi khuẩn Gram âm khác	số lượng /gam mẫu	<10
3.16	Độ phân huỷ sinh học	%	>90
3.17	Các tiêu chuẩn khác của dầu gội như: Sản phẩm phải không chứa kim loại nặng độc hại, có giới hạn vi khuẩn và nấm mốc theo quy định và phải qua kiểm nghiệm về khả năng gây kích ứng da. Chỉ tiêu chất lượng, an toàn vi sinh, hóa lý và kiểm nghiệm da liễu, được quy định trong Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6972:2001 và các thông tư, quy định liên quan của Bộ Y tế hiện hành		
4	Xà phòng		
4.1	Trạng thái		Hỗn hợp đồng nhất ở dạng bột hoặc hạt, toi xốp, không vón cục
4.2	Màu		Màu trắng hoặc cho phép điểm các hạt phụ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật yêu cầu
			gia xanh nhạt hoặc màu
4.3	Mùi		Có mùi thơm dễ chịu, đặc trưng theo từng loại sản phẩm, không có mùi hôi, chua của mỡ bị phân hủy
4.4	Đóng gói		Túi đựng: Màng PE Sản phẩm đóng gói trọng lượng 300g/gói
	Tiêu chuẩn kỹ thuật		
4.5	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt	%	>20
4.6	pH của dung dịch bột giặt 1% trong nước	%	9 – 12
4.7	Hàm lượng phốt pho (theo P ₂ O ₅)	%	>5
4.8	Hàm lượng chất không tan trong nước (ở 25°C)	%	<3
4.9	Hàm lượng nước và các chất bay hơi	%	<12
4.10	Độ phân hủy sinh học	%	>90
4.11	Các tiêu chuẩn khác phải đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 5720:2001 và các văn bản khác của Nhà nước hiện hành		

Ghi chú:

- Trong quá trình chào thầu nhà thầu phải ghi rõ ràng và chi tiết ký mã hiệu, chủng loại, hãng chế tạo, nguồn gốc, xuất xứ mà **không được ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương”**.

- Nhãn hiệu nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ để tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue, không phải thông số kỹ thuật để đánh giá.

- Tất cả những ký tự, ký hiệu được hiểu liên quan tới nhà sản xuất, nước sản xuất, mã hàng hóa nếu có xuất hiện trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo, giúp nhà thầu hiểu đúng về hàng hóa không nhằm mục đích chỉ định hoặc hạn chế sự tham gia của bất kỳ nhà thầu nào theo đúng tinh thần hướng dẫn của Luật Đấu thầu, Nghị định, Thông tư, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ hiện hành. Nếu cụm từ này xuất hiện hoặc được nêu trong bất cứ vị trí nào hoặc trang nào trong E-HSMT đều chỉ mang tính chất tham khảo và chỉ dẫn nhà thầu.

- Trường hợp Nhà thầu đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa khác so với yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu phải lập bảng so sánh về Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và kèm tài liệu chứng minh miễn là cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu thì vẫn được Chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

- *Tương đương*: có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương hoặc tốt hơn

1.3. Các yêu cầu khác: Không yêu cầu

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

+ Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu; chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và thông báo cho Bộ Tài chính để đánh giá uy tín của nhà thầu